TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2026/QĐST - DS	*Vĩnh Long, ngày 07 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2026/TLST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

1. Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phước T, ông Ngô Nhựt L; cùng địa chỉ liên hệ: 171 - A đường H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Công ty cổ phần M (MARS); địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T1 - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Kim L1 - Chức vụ: Giám đốc Vùng xử lý nợ Miền Nam II.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Bảo L2, ông Đinh Văn P; cùng địa chỉ liên hệ: tầng 4, tòa nhà C, D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Bị đơn*: Bà **Đỗ Thị Hạnh C** - Sinh năm: 1993; địa chỉ: số A ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Khánh L3 - Sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đỗ Thị Hạnh C đồng ý trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M (MARS) số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2026 là 27.874.906.773 đồng (hai mươi bảy tỷ tám trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là: 22.878.566.129 đồng (hai mươi hai tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm hai mươi chín đồng); nợ lãi: 4.996.340.644 đồng (bốn tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Tương ứng số tiền phải trả nói trên thì Công ty cổ phần M (MARS) nhận 95%; Ngân hàng TMCP V (V1) nhận 5%.

Tiếp tục tính lãi sau ngày 29/6/2026 cho đến khi trả xong số nợ nói trên theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký đối với từng khoản vay.

Cụ thể các khoản vay như sau:

(1) Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng cho vay số: LN2204265664202 ký ngày 05/05/2022 (giải ngân ngày 06/6/2022) số tiền nợ là 15.386.123.457 đồng, trong đó nợ gốc là 12.627.204.129 đồng, nợ lãi: 2.620.525.884 đồng, nợ lãi chậm trả là 138.393.444 đồng.

(2) Khoản vay thứ hai: Hợp đồng cho vay số: LN2211157449471 ký ngày 25/11/2022, trong đó:

(2.1) Giải ngân ngày 03/12/2022: Số tiền còn nợ là 2.314.660.260 đồng, trong đó nợ gốc là 1.881.952.000 đồng, nợ lãi: 409.987.679 đồng, nợ lãi chậm trả là 22.720.581 đồng.

(2.2) Giải ngân ngày 05/12/2022: Số tiền còn nợ là 2.398.396.005 đồng, trong đó nợ gốc là 11.950.004.000 đồng, nợ lãi: 424.846.372 đồng, nợ lãi chậm trả là 23.545.633 đồng.

(3) Khoản vay thứ ba: Hợp đồng cho vay số: 10078239 ký ngày 22/11/2023 (giải ngân ngày 23/11/2023) số tiền nợ là 2.361.100.409 đồng, trong đó nợ gốc là 1.961.077.000 đồng, nợ lãi: 379.885.883 đồng, nợ lãi chậm trả là 20.137.526 đồng.

(4) Khoản vay thứ tư: Hợp đồng cho vay số: 10166522 ký ngày 16/4/2024 (giải ngân ngày 17/4/2024) số tiền nợ là 5.414.626.642 đồng, trong đó nợ gốc là 4.458.329.000 đồng, nợ lãi: 906.106.814 đồng, nợ lãi chậm trả là 50.190.828 đồng.

Trường hợp bà C chậm thanh toán thì các đương sự đồng ý để Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất do bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

Thửa đất số 486, 490, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 688, 689, 706, 707, 708, 685, 686, 687 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại phường C, Thị xã K, tỉnh Long An (nay là Phường K, tỉnh Tây Ninh). Theo hợp đồng thế chấp ký ngày 10/5/2022, số công chứng 3737, quyển số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD (đối với khoản vay (1), (2), (3), (4))

Thửa đất số 52, 305, 301 cùng tờ bản đồ số 70 tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Theo hợp đồng thế chấp ký ngày 10/5/2022 số công chứng 8446, quyển số 11/2022TP/CC-SCC/HĐGD (đối với khoản vay (3), (4)).

***Về án phí dân sự sơ thẩm*:** Án phí của vụ án là 67.937.000 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Bà Đỗ Thị Hạnh C đồng ý nộp 67.937.000 đồng (sáu mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí.

Công ty cổ phần M (MARS) không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 66.451.060 đồng (sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn không trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006406 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.659.568 đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006404 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hsva, vp.

THẨM PHÁN

Dương Ngọc Tú